

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: **Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình**)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHKT

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật;
 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật;
 - Căn cứ yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ và năng lực chuyên môn của cán bộ;
- Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm ông **Lê Thanh Nghị** giữ chức vụ Chủ nhiệm công trình thực hiện Hợp đồng số 912/2025/TTHK/PTKHKT ký ngày 09/12/2025, Gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng”.

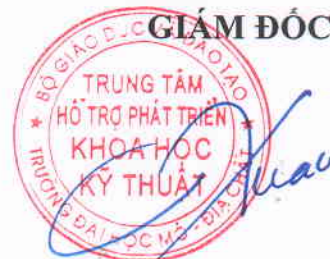
Điều 2: Chủ nhiệm công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công việc thuộc phạm vi gói thầu được giao; quản lý tiến độ, chất lượng, khối lượng công việc; thực hiện các thủ tục mua vật tư, thiết bị, lấy các hóa đơn chứng từ có liên quan đến công trình và hoàn thiện công tác nghiệm thu thanh quyết toán theo quy định của trung tâm và quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành, được nghiệm thu, thanh quyết toán theo qui định hiện hành.

Điều 4: Các bộ phận chức năng thuộc Trung tâm và ông **Lê Thanh Nghị** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Như điều 4
- Lưu TT.



PGS.TS Nguyễn Trường Xuân

DANH SÁCH CÁN BỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
Số 912/2025/TTHK/PTKHKT ký ngày 09/12/2025

TT	Họ và tên	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
1	Lê Thanh Nghị	Gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng”	09/12/2025 - 23/12/2025	Chủ nhiệm
2	Nguyễn Minh Hải			Thành viên
3	Nguyễn Danh Đức			Thành viên

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2025
GIÁM ĐỐC



PGS.TS Nguyễn Trường Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2025-2026

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Tổng giá trị HĐ (đồng)	Số tiền chuyển về (đồng)	Số tiền thực nộp về trường	Chủ nhiệm Hợp đồng	Người tham gia
1	Gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng”	912/2025/TTHK/PTKHKT ký ngày 09/12/2025,	463.181.976	463.181.976	8.577.444	Lê Thanh Nghị	Nguyễn Minh Hải Nguyễn Danh Đức

XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM



GIÁM ĐỐC
GS.TS. Nguyễn Trường Quân

BẢNG PHÂN BỐ GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUY ĐỔI (NĂM HỌC 2025-2026)

Tên đề tài:

Gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ hệ thống tiêu điểm tâm nhìn ngang khí tượng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tâm nhìn ngang khí tượng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng”

Số HĐ: 161/2025/HĐTV-QLB-PTKHKHT ký ngày 14/10/2025

Chủ nhiệm HĐ: Lê Thanh Nghị

Số giờ của CN: (Chủ nhiệm phân bổ trực tiếp)

Số giờ của TK:

Số giờ của các TV: 85,8

Tổng số giờ: 85,8

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Đơn vị công tác	Vai trò trong đề tài	Số tháng tham gia	Tỷ lệ đóng góp (%)	Số giờ NCKH quy đổi phân bổ	Ghi chú
1	Lê Thanh Nghị	ThS	Bm Đo ảnh và VT	Chủ nhiệm đề tài	0,5	75,0	64,4	
2	Nguyễn Minh Hải	ThS	Bm Đo ảnh và VT	Thành viên	0,1	10,0	8,6	
3	Nguyễn Danh Đức	ThS	Bm Bản đồ	Thành viên	0,1	15,0	12,9	
Tổng cộng						100,0	85,8	

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Lê Thanh Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 912/2025/TTHK/PTKHKT ngày 09 tháng 12 năm 2025

GÓI THẦU:

ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC VÀ VẼ SƠ ĐỒ
HỆ THỐNG TIÊU ĐIỂM TẦM NHÌN NGANG KHÍ TƯỢNG

THUỘC DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG TIÊU ĐIỂM TẦM NHÌN NGANG KHÍ TƯỢNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI VÀ
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG

GIỮA

TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG - CHI NHÁNH
TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY - CÔNG TY TNHH

VÀ

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Hà Nội, 2025



MỤC LỤC

PHẦN 1 – THÔNG TIN GIAO DỊCH	3
PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	3
PHẦN 3 - ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG	5
Điều 1. Dẫn giải.....	5
Điều 2. Loại hợp đồng	6
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên.....	6
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	6
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	6
Điều 6. Nội dung, khối lượng, phạm vi công việc thực hiện.....	6
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm.....	7
Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng:.....	7
Điều 9. Giá hợp đồng.....	8
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng.....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A	10
Điều 13. Nhân lực của Bên B.....	11
Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	12
Điều 15. Bảo hiểm.....	12
Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng	12
Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	13
Điều 18. Chấm dứt hợp đồng.....	14
Điều 19. Thanh lý hợp đồng.....	15
Điều 20. Nghiệm thu sản phẩm.....	15
Điều 21. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng	15
Điều 22. Tạm ứng và thanh toán.....	16
Điều 23. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp	16
Điều 24. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm hợp đồng.....	17
Điều 25. Điều khoản chung.....	17

PHẦN 1 - THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại Trung tâm Thông báo tin tức hàng không, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Bên A):

Tên giao dịch: Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH.

Đại diện là: Ông **Bế Nhật Hoàn** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

Tài khoản: 105 235 5818 9011 - Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Chương Dương, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0100108624-009

Điện thoại: 024.38728778

2. Nhà thầu (sau đây gọi tắt là Bên B):

Tên giao dịch: Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học Kỹ thuật

Đại diện là: Ông **Nguyễn Trường Xuân** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Số 18 Phố Viên, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội.

Tài khoản: 1462201005013 - Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh Tây Đô.

Mã số thuế: 0100764383

Điện thoại: 035.4806361

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng” như sau:

PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 06/2009/TT-BTNMT ngày 18/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Quản lý và Bảo đảm hoạt động bay; Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT ngày 14/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BTNMT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quan trắc khí tượng;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu

hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 7968/QĐ-QLB ngày 05/11/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý hợp đồng của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2800/QĐ-TTHK ngày 27/11/2025 của Giám đốc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc phê duyệt dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 2822/QĐ-TTHK ngày 28/11/2025 của Giám đốc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 2851/QĐ-TTHK ngày 03/12/2025 của Giám đốc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng”;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng ngày 05/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 2893/QĐ-TTHK ngày 08/12/2025 của Giám đốc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng”.

PHẦN 3 - ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH.
2. Nhà thầu là: Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học Kỹ thuật.
3. Dự án là: dự án “Xây dựng hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng”.
4. Gói thầu là: gói thầu “Đo đạc, quan trắc và vẽ sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng”.
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định và thay mặt Nhà thầu điều hành công việc.

7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng theo quy định tại Điều 3: Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên.

8. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

10. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

11. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu và Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Văn bản hợp đồng và các phụ lục kèm theo gồm:

Phụ lục 1: Nội dung công việc và yêu cầu kỹ thuật;

Phụ lục 2: Bảng tiến độ;

Phụ lục 3: Bảng giá hợp đồng;

Phụ lục 4: Danh sách nhân sự.

c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, email hoặc gửi trực tiếp theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 6. Nội dung, khối lượng, phạm vi công việc thực hiện

Yêu cầu sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại 02 sân bay.

Khối lượng, phạm vi công việc:

+ Tính toán lại các tiêu điểm của hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng HKQT Nội Bài và Cảng HKQT Đà Nẵng còn quan trắc và sử dụng được tại vị trí quan trắc mới (Cabin của TWR);

+ Đo đạc, xây dựng bổ sung các tiêu điểm mới tại Cảng HKQT Nội Bài và cập nhật sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại Cảng HKQT Nội Bài và Cảng HKQT Đà Nẵng do có sự thay đổi về vị trí quan trắc.

Nội dung công việc, yêu cầu kỹ thuật các yêu cầu khác được nêu tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

1. Chất lượng sản phẩm phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các Điều, Khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Số lượng và quy cách hồ sơ sản phẩm của hợp đồng:

- a) Báo cáo tổng kết quá trình thi công, tổng hợp kết quả. Số lượng: 08 bản
- b) Sản phẩm giao nộp bao gồm: Số lượng 08 bộ.

- Báo cáo thành quả thống kê đầy đủ các dữ liệu theo yêu cầu về thông tin tiêu điểm, điểm quan trắc và kết quả tính toán;

- Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng theo hai loại tỷ lệ sơ đồ gồm:

+ Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban ngày dải cự ly gần từ 0m đến 2000m

+ Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban ngày dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

+ Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban đêm dải cự ly gần từ 0m đến 2000m

+ Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban đêm dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

Trên mỗi sơ đồ hệ thống tầm nhìn ngang khí tượng, ngoài các thông tin cần có theo quy định về bản đồ, sơ đồ thì phải thể hiện vị trí quan trắc, vị trí của từng tiêu điểm theo các dải cự ly, vị trí của đường cất hạ cánh sử dụng, bảng thông số của tiêu điểm và vòng tròn thể hiện các dải cự ly.

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng:

- 1. Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.
- 2. Nhiệm vụ thực hiện gói thầu được duyệt.
- 3. Sản phẩm.
- 4. Quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn của pháp luật, được áp dụng cho hợp đồng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng: **463.181.976 đồng**

(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi ba triệu, một trăm tám mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng./.).

Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT 8%

2. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của Bên A hoặc Bên B, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

2. Điều chỉnh khối lượng: Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì Bên A và Bên B tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

3. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng chậm so với tiến độ của hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì Bên B phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng chậm so với tiến độ của hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên A phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho Bên B thì phải bồi thường.

c) Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên A gây ra.

d) Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng) thì Bên A và Bên B thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng thì Bên A phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

4. Điều chỉnh giá hợp đồng:



- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với các khối lượng, dịch vụ thuộc phạm vi của hợp đồng đã ký, trừ trường hợp bất khả kháng, thay đổi chính sách thuế và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện.

Thuế suất thuế GTGT sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu bàn giao. Khi đó giá Hợp đồng được xác định trên cơ sở giá hợp đồng trước thuế đã ký và thuế GTGT theo thuế suất thực tế tại thời điểm xuất hoá đơn và hai bên không cần phải làm phụ lục điều chỉnh bổ sung Hợp đồng và thực hiện điều chỉnh như sau:

- Giá trị trước thuế giữ nguyên (1);
- Thuế GTGT (2) = Giá trị trước thuế (1) x Mức thuế suất GTGT;
- Tổng giá hợp đồng sau điều chỉnh = (1) + (2).
- Trường hợp phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi của hợp đồng đã ký thì phạm vi điều chỉnh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ để thực hiện hợp đồng.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Chỉnh sửa, hoàn thiện, bổ sung sản phẩm của hợp đồng theo ý kiến của cơ quan thẩm định (nếu có) theo yêu cầu của Bên A.

b) Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ gìn bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

đ) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc theo các Điều, Khoản được quy định trong hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

e) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhân lực của Bên B sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

i) Sản phẩm phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Bên A phê duyệt để thực hiện công việc.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Bên B chịu trách nhiệm về an toàn lao động, môi trường làm việc theo đúng quy định của Nhà nước.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.

p) Bên B phải có trách nhiệm cùng Bên A giải thích các nội dung trong hợp đồng đối với các cơ quan có thẩm quyền, nếu được yêu cầu.

Bên B phải hoàn trả cho Bên A toàn bộ giá trị xuất toán khi các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xuất toán được xác định do lỗi của Bên B hoặc do Bên A thanh toán cho Bên B không đúng quy định của nhà nước (kể cả khi hợp đồng đã được thanh lý).

Trường hợp Bên B tự ý hủy hóa đơn đã cung cấp cho Bên A mà không được sự chấp thuận của Bên A thì Bên B phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan thuế theo quy định và phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại gây ra cho Bên A theo kết luận của các cơ quan có thẩm quyền kể cả khi hợp đồng đã thanh lý.

Bên B phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng do lỗi của Bên B gây ra.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm theo hợp đồng.

- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- đ) Yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Cung cấp cho Bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên B.
- g) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của Bên B

1. Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có bằng cấp, chứng chỉ theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật. Bên B có thể sử dụng nhân lực có trình độ (mức chuyên gia) cao hơn yêu cầu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này, với điều kiện không làm thay đổi giá hợp đồng.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong hợp đồng. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.

3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc được thỏa thuận giữa Bên A và Bên B thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở nhân lực của Bên B.

6. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Bên B sẽ giữ bản quyền công việc do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

Bên B phải cam kết rằng sản phẩm do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

1. Bên B phải mua và duy trì bảo hiểm rủi ro, bảo hiểm nghề nghiệp và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên B phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc theo hợp đồng.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro: 

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Bên B phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên A phải bồi thường những tổn hại cho Bên B đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

b) Bên A phải xem xét quyết định các đề nghị của Bên B.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm:

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B: Các Khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Bên A có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt hợp đồng, sau 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày làm việc mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 21, hoặc 03 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23.

e) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên A có thể thuê đơn vị khác thực hiện tiếp công việc của hợp đồng. Bên A và Bên B và các đơn vị này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 03 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 03 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 23 sau 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày.

đ) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 22 cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm các chi phí có liên quan).

Điều 19. Thanh lý hợp đồng

Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18.

Điều 20. Nghiệm thu sản phẩm

1. Nghiệm thu được tiến hành 01 lần sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu, sản phẩm do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu. Những sai sót trong sản phẩm Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Nghiệm thu theo yêu cầu kỹ thuật nêu tại Phụ lục 1.

3. Bên B có trách nhiệm giải thích, làm rõ phương pháp thực hiện, điều chỉnh, bổ sung dữ liệu, quy trình thực hiện trong trường hợp Bên A, Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu.

4. Bên B có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, nghiệm thu nội bộ theo đúng quy trình sản xuất. Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu nội bộ của Bên B được thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Điều 21. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Tổng thời gian thực hiện hợp đồng là 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16).

2. Tiến độ chi tiết tại Phụ lục 2.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

Điều 22. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không tạm ứng.

2. Tiến độ thanh toán: Số lần thanh toán: 02 lần

- Thanh toán lần 1: Thanh toán cho Bên B đến 90% giá hợp đồng sau khi sản phẩm đã được nghiệm thu.

- Thanh toán lần 2: Thanh toán cho Bên B phần giá Hợp đồng còn lại sau khi khấu trừ các chi phí phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) và khi hồ sơ quyết toán dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hai bên ký thanh lý hợp đồng.

- Thời gian thanh toán: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận đủ 01 bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Thanh toán lần 1:

- + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B (*Bản gốc*);
- + Biên bản bàn giao sản phẩm (*Bản gốc*);
- + Biên bản Nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm (*Bản gốc*);
- + Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành (*Bản gốc*);
- + Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (*nếu có*) (*Bản gốc*);
- + Hóa đơn GTGT (*Bản in điện tử*).

- Thanh toán lần 2:

- + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B (*Bản gốc*);
- + Biên bản thanh lý hợp đồng (*Bản gốc*);
- + Biên bản phạt và bồi thường thiệt hại (*nếu có*) (*Bản gốc*).

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 23. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày. Nếu các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 24. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm hợp đồng

1. Phạt do vi phạm hợp đồng:

a) Đối với Bên B: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 16, nếu Bên B không thể thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên B phải chịu một khoản tiền phạt tương ứng 0,2% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Tổng giá trị phạt tối đa không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 18. Khoản tiền phạt này sẽ được khấu trừ khi Bên A thanh toán cho Bên B.

b) Đối với Bên A: Trường hợp bên A thanh toán chậm cho bên B theo quy định đã nêu trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên B theo lãi suất nợ quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng mà bên B mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên A thanh toán đầy đủ cho bên B.

2. Bồi thường thiệt hại:

Trong trường hợp sản phẩm của hợp đồng có sai sót gây thiệt hại cho Bên A khi được chứng minh một cách khách quan bởi các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước hoặc một đơn vị thứ ba được Bên A và Bên B thống nhất chỉ định thì Bên B phải chịu bồi hoàn toàn bộ thiệt hại.

Điều 25. Điều khoản chung

1. Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra

tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

2. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo Mục tiêu của hợp đồng.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng và được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A sẽ giữ 06 (sáu) bản. Bên B giữ 02 (hai) bản.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN A**



GIÁM ĐỐC

Bé Nhật Hoàn

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN B**



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân

Phụ lục 1
NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Kèm theo Hợp đồng số 912/2025/TTHK/PTKHKT ngày 09/12/2025)

1. Lập phương án thực hiện

1.1. Xác định 4 phân khu 90 độ dựa trên hướng trục đường cất hạ cánh chủ yếu theo nguyên tắc mở đều 45 độ mỗi bên trục.

1.2. Xác định sơ bộ các điểm theo yêu cầu cho một phân khu theo nguyên tắc bằng hoặc lớn hơn bước cự ly đã định nhưng phải nhỏ hơn bước cự ly kế tiếp. Ở cự ly 10km, điểm sơ bộ có khoảng cách từ 10km đến khoảng 12km.

1.3. Giảm bớt cự ly khi trong toàn bộ một dải cự ly thuộc từng phân khu có vùng mặt nước bao trùm toàn bộ kể cả dải cự ly 10km đến 12km.

2. Lập kế hoạch kiểm tra, khảo sát, đo đạc, tính toán đối tượng

2.1. Kế hoạch kiểm tra, khảo sát được lập theo các nội dung về thời gian và tiến độ thực hiện đảm bảo nhanh chóng, khoa học và đầy đủ các hạng mục cần kiểm tra, khảo sát, đo đạc ngoại nghiệp.

2.2. Kế hoạch cũng phải bao gồm việc nhân sự, trang thiết bị sử dụng và nội dung các thông tin dữ liệu cần thiết cho thuộc tính cơ bản của đối tượng.

3. Lập kế hoạch phương án kỹ thuật

Phương án kỹ thuật cũng được lập kế hoạch đầy đủ cho các yêu cầu kỹ thuật được nêu chi tiết dưới đây:

3.1. Tiến hành kiểm tra, khảo sát, đo đạc ngoại nghiệp

3.1.1. Kiểm tra xác định vị trí quan trắc, mốc kiểm soát sân bay PACS/SACS (nếu có).

3.1.2. Kiểm tra hệ thống tiêu điểm đang sử dụng đã được phê duyệt, xác định các tiêu điểm còn được sử dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật (phù hợp với vị trí quan trắc sẽ sử dụng tại từng sân bay).

3.1.3. Đo đạc tiêu điểm mới (theo vị trí quan trắc mới) theo mốc tham chiếu ngang là WGS-84, mốc tham chiếu đứng là mực nước biển trung bình (MSL).

3.1.4. Khi sử dụng thiết bị đo thu tín hiệu GPS cần phải là loại 2 tần số. Thời gian thực hiện thu GPS phải đảm bảo đúng theo phương án kỹ thuật đã xác lập và đúng quy chuẩn đối với các điểm có thể áp dụng đo GPS.

3.1.5. Thông tin dữ liệu liên quan đến thuộc tính của tiêu điểm cũng phải được điều tra ghi nhận.

3.1.6. Các kết quả đo đạc phải được kiểm tra chất lượng trước khi chuyển công đoạn nội nghiệp. Các sai sót hoặc lỗi không đạt chuẩn phải được đo đạc lại.

3.1.7. Thực hiện đo nối qua điểm trung gian có thể được sử dụng, nhưng phải bảo đảm đúng quy định chuyên ngành về đo nối.



3.1.8. Khảo sát, đo đạc ngoại nghiệp tại các sân bay theo các phân khu xác định có ưu tiên các hướng của đường cất hạ cánh.

3.1.9. Đường chuyên cấp 1 được đo bằng công nghệ GPS hoặc máy toàn đạc điện tử. Công tác đo đạc đường chuyên cấp 1 tuân thủ theo quy trình, quy phạm hiện hành. Góc cao được xác định là góc đo chênh lệch góc với mặt phẳng nằm ngang.

3.1.10. Trường hợp dữ liệu hệ thống các mốc kiểm soát tọa độ sân bay sơ cấp và thứ cấp (PACS/SACS) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, các dữ liệu này được sử dụng là mốc tham chiếu không gian chủ yếu.

3.1.11. Với các điểm ở nơi có địa hình phức tạp không tiếp cận đo đạc được, phương án sử dụng các phương tiện, thiết bị bay không người lái có thể được sử dụng để thu thập dữ liệu không gian hoặc sử dụng phương pháp kỹ thuật tương tự đảm bảo chất lượng dữ liệu thu thập.

3.2. Thực hiện công tác nội nghiệp

3.2.1. Công tác nội nghiệp được tiến hành sau khi có dữ liệu đo đạc ngoại nghiệp và đã thực hiện kiểm tra.

3.2.2. Công tác nội nghiệp chủ yếu thực hiện tính toán trên cơ sở số liệu đo đạc ngoại nghiệp và số liệu của các tiêu điểm hiện hữu đã tiến hành kiểm tra rà soát (Có thể đề xuất lược bỏ các tiêu điểm hiện hữu mà trong quá trình khảo sát thấy không thể sử dụng được nữa hoặc không cần thiết). Tính toán các thông số (hướng, cự ly, khoảng cách, góc cao...) (bình sai lưới không chế-lưới cơ sở cấp 1) của các tiêu điểm với các kết quả đảm bảo yêu cầu về độ chính xác và đồng bộ theo mốc tham chiếu ngang là WGS-84, mốc tham chiếu đứng là mực nước biển trung bình (MSL).

3.2.3. Công tác nội nghiệp cũng thực hiện việc lập các báo cáo kết quả có thực hiện kiểm tra và có khắc phục thỏa đáng khi có xảy ra lỗi kỹ thuật.

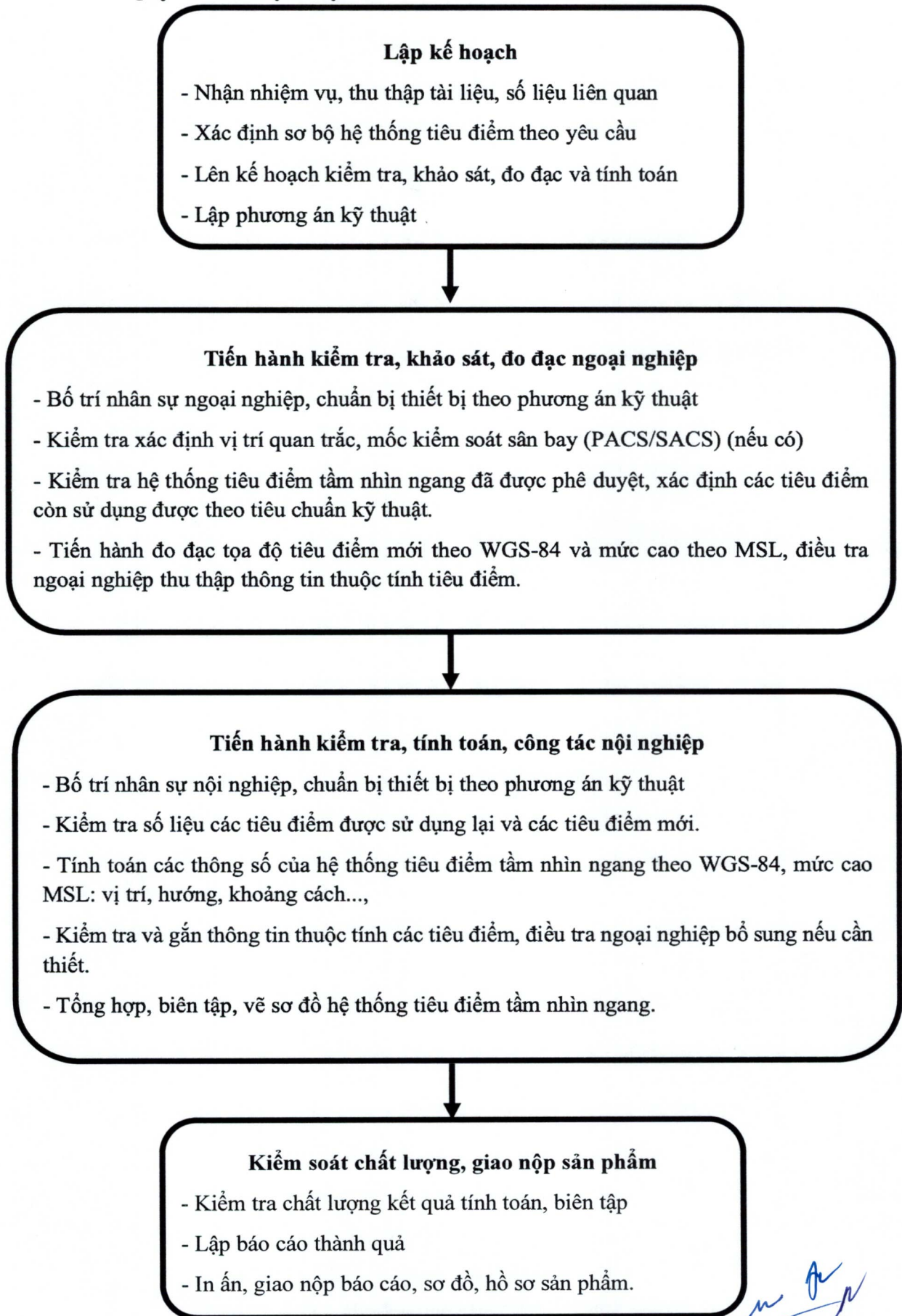
3.2.4. Thực hiện tính toán bằng các giải pháp công cụ phần mềm chuyên nghiệp để xác định chính xác khoảng cách và góc cao từ vị trí quan trắc tầm nhìn ngang đến các tiêu điểm tầm nhìn ngang đã đưa vào bản vẽ sơ bộ. Việc xác định vị trí các tiêu điểm tầm nhìn ngang được tính tương đương việc xác định tọa độ điểm đường chuyên cấp 1 trong khảo sát xây dựng.

3.2.5. Kết quả tính toán nội nghiệp gồm:

- Khoảng cách ngang chính xác theo mét từ vị trí quan trắc đến tiêu điểm;
- Hướng phương vị theo độ thực;
- Góc cao giữa vị trí quan trắc chính xác đến các tiêu điểm tầm nhìn ngang;
- Biên tập, vẽ sơ đồ vị trí tiêu điểm có đầy đủ các thông tin thuộc tính đã thu thập, điều tra, ghi nhận khi thi công ngoại nghiệp.



3.3. Quy trình thực hiện



1086
TRUNG
HÀNG B
KHÔNG
CÔNG
N L
CÔNG
S B

Handwritten signature

Trong đó, hồ sơ sản phẩm giao nộp phải gồm:

- Báo cáo thành quả thống kê đầy đủ các dữ liệu theo yêu cầu về thông tin tiêu điểm, điểm quan trắc và kết quả tính toán;

- Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng theo hai loại tỷ lệ sơ đồ gồm:

- + Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban ngày dải cự ly gần từ 0m đến 2000m

- + Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban ngày dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

- + Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban đêm dải cự ly gần từ 0m đến 2000m

- + Sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng ban đêm dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

Trên mỗi sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng, ngoài các thông tin cần có theo quy định về bản đồ, sơ đồ thì phải thể hiện vị trí quan trắc, vị trí của từng tiêu điểm theo các dải cự ly, vị trí của đường cất hạ cánh sử dụng, bảng thông số của tiêu điểm và vòng tròn thể hiện các dải cự ly.



24-
G T
AO T
G - C
CÔN
SAY V
TY
N

Phụ lục 2
BẢNG TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN
(Kèm theo Hợp đồng số 912/2025/TTHK/PTKHKT ngày 09/12/2025)

STT	Nội dung công việc	Số ngày															Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Chuẩn bị, lên kế hoạch, lập phương án kỹ thuật																02 ngày
2	Tiến hành kiểm tra, khảo sát, đo đạc ngoại nghiệp																05 ngày
3	Thực hiện tính toán và công tác nội nghiệp																10 ngày
4	Hoàn thiện số liệu, in ấn hồ sơ; Bàn giao sản phẩm và nghiệm thu																03 ngày

Handwritten signature/initials

Phụ lục 3
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Hợp đồng số 912/2025/TTHK/PTKHKT ngày 09/12/2025)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Trước Thuế GTGT)	THÀNH TIỀN (Trước Thuế GTGT)
I	CHI PHÍ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC VÀ VẼ SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TIÊU ĐIỂM TẦM NHÌN NGANG				
1	Chi phí khảo sát xây dựng, đo đạc tọa độ độ cao tiêu điểm tầm nhìn ban ngày và ban đêm tại sân bay quốc tế Nội Bài	Điểm	46	8.562.700	393.884.200
2	Chi phí tính toán các thông số của hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng				
2.1	Sân bay quốc tế Nội Bài	Điểm	20	459.300	9.186.000
2.2	Sân bay quốc tế Đà Nẵng	Điểm	70	368.600	25.802.000
	TỔNG CỘNG (Trước Thuế GTGT):				428.872.200
	THUẾ GTGT 8%:				34.309.776
	TỔNG CỘNG (Sau Thuế GTGT)				463.181.976

(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi ba triệu, một trăm tám mươi một nghìn, chín trăm
bảy mươi sáu đồng./.)




Phụ lục 4
DANH SÁCH NHÂN SỰ
(Kèm theo Hợp đồng số 912/2025/TTHK/PTKHKT ngày 09/12/2025)

STT	Họ và tên	Chức danh bố trí trong gói thầu
1	Lê Thanh Nghị	Trưởng nhóm (Chủ trì)
2	Nguyễn Minh Hải	Chuyên gia thi công
3	Nguyễn Danh Đức	Chuyên gia thi công

Handwritten signature in blue ink.



*Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)*

Số (No): 00000123

Mã CQT (Code): 0084FDCB62F9454CE3944B9C301729154D

Mã số thuế (Tax code): **0100764383**

Địa chỉ (Address): Tầng 1 Nhà A, Trường ĐH Mở Địa Chất, số 18 phố Viên, Phường Đông Ngạc, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (*Tel*): 0354806361

Số tài khoản (Bank account): 1462201005013 Tại NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Tây Đô

Họ tên người mua hàng (*Buyer*):

Tên đơn vị(Company's name): TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG - CHI
NHÁNH TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM - CÔNG TY
TNHH

Mã số thuế (Tax code): 0100108624-009

MSĐVCQHVN (Budgetary unit code):

Địa chỉ (Address): Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, TP Hà Nội

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Chuyển khoản

Số tài khoản (*Bank account*): 105.2355.8189.011 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương

[illegible]

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 23 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 0084FDCB62F9454CE3944B9C301729154D

Ký hiệu (Sign): 1C25TYYY

Số (No): 00000123

Đơn vị bán hàng (Supplier): TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Mã số thuế (Tax code): 0100764383

Địa chỉ (Address): Tầng 1 Nhà A, Trường ĐH Mỏ Địa Chất, số 18 phố Viên, Phường Đông Ngạc, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 0354806361

Số tài khoản (Bank account): 1462201005013 Tại NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Tây Đô

Tên đơn vị (Company's name): TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH

Mã số thuế (Tax code): 0100108624-009

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code):

Địa chỉ (Address): Số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, TP Hà Nội

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
Cộng tiền hàng:				(Total before VAT):	428.872.200
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		34.309.776
Tổng tiền thanh toán				(Total amount):	463.181.976
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Bốn trăm sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng chẵn.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC KỸ THUẬT

Ký ngày: 23/12/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THU NHẬP

Tổ chức trả thu nhập: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mở - Địa chất, Số 18, Phố Viên, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0100764383

Điện thoại: 0354806361

Email: Tthotro.mdc@gmail.com

Xác nhận về việc Ông: Lê Thanh Nghị Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Mã số thuế: 034087013679

Địa chỉ thường trú: TDP Viên 1, Cổ Nhuế, Hà Nội.

Trong năm 2025 -2026 phát sinh các khoản thu nhập từ tiền công tiền lương tại đơn vị như sau (VNĐ): 84.500.000 đồng

- Thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ: 8.450.000 đồng

- Số thu nhập cá nhân còn được nhận: 76.050.000 đồng

Tôi cam đoan số liệu khai nêu trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2026

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. *Nguyễn Trường Xuân*